|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NGHỆ AN**  Số:/2022/QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nghệ An, ngày tháng năm 2022* |

***DỰ THẢO***

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;*

*Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số:......../TTr- SNN ngày...../....../2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An đối với trường hợp Chủ dự án không tự tổ chức trồng rừng thay thế.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư  có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

**Điều 2.** **Quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh**

Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau: *(chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo)*.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng và điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh**

- Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là cơ sở để xác định số tiền Chủ dự án phải nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh khi Chủ dự án không tự trồng rừng thay thế theo quy định.

- Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được xem xét điều chỉnh khi có quy định mới của cấp có thẩm quyền ban hành.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trên cơ sở đơn giá nhân công, giống và các loại vật tư, phân bón hiện hành tại thời điểm lập lập dự toán, xác định đơn giá trồng rừng thế, số tiền phải nộp đối với từng dự án tại thời điểm Chủ dự án đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế, trình Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh Quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

- Tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho phù hợp, đảm bảo nguyên tắc được quy định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Giao Sở Tài chính

Phối hợp kiểm tra hồ sơ, có ý kiến về đơn giá trồng rừng thay thế, số tiền phải nộp đối với từng dự án tại thời điểm Chủ dự án đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp. Đồng thời, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định.

3. Giao Sở Xây dựng

Tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh công bố (hoặc công bố trong trường hợp được Ủy ban nhân tỉnh ủy quyền) đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật. Đồng thời, mỗi khi có sự thay đổi về đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh, cung cấp kịp thời đơn giá nhân công mới cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để làm căn cứ tính toán số tiền phải nộp đối với từng dự án tại thời điểm Chủ dự án đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế.

**Điều****5**.**Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với số tiền các Chủ dự án đã thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo định mức tại Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng chưa phân bổ. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ theo đúng quy định, đảm bảo nguyên tắc diện tích trồng rừng thay thế tối thiểu bằng diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng rừng.

2. Đối với các dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trước thời điểm quyết định này có hiệu lực nhưng Chủ dự án chưa nộp tiền trồng rừng thay thế theo phương án chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện như sau:

- Chủ dự án thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đúng thời hạn quy định (trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh ban hành văn bản chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế) thì áp dụng đơn giá thu tại Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ dự án chậm nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo quy định (quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế), thì áp dụng đơn giá thu quy định tại Điều 2 Quyết định này.

3. Đối với các dự án đã chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế thuộc đối tượng phải truy thu thì áp dụng đơn giá theo Điều 2 Quyết định này.

**Điều 6**.**Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ....... tháng ..... năm 2022 và thay thế Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mức thu đối với các dự án đầu tư phải chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để giải phóng mặt bằng và yêu cầu phải trồng lại rừng nhưng không có điều kiện.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các dự án đầu tư có thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 6;  - Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);  - Phó chủ tịch (NN) UBND tỉnh;  - CVP, PCVP (KT) UBND tỉnh;  - Các thành viên Hội đồng; Ban kiểm soát Quỹ Bảo vệ và PTR tỉnh;  - Phòng NN UBND tỉnh;  - Lưu: VT. NN (D.Hùng). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Hoàng Nghĩa Hiếu** |